

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002219

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A404**

Số SV có mặt: **33**
Số bài thi: **33**
Số tờ giấy thi: **33**

Cán bộ coi thi 1 Ng Đình Phú	Cán bộ coi thi 2 Lương Văn Đạt	G.Viên chấm thi 1 Hồ Hoàng Nam	G.Viên chấm thi 2 L.Q. Chấn
-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------	------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050002	ĐINH THÀNH DANH	14/09/2002	CCQ2005A			Danh	7,9	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D				✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050099	MAI HỒNG DÀNG	05/11/2002	CCQ2005C			Dang	8,1	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050036	THÁI XUÂN DÂN	16/12/2002	CCQ2005B			Dan	7,3	8,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050005	BÙI TRỌNG HIẾN	02/06/2002	CCQ2005A			Hien	7,9	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050038	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B			Dat	7,3	6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050039	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B			Dat	7,4	6,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050006	VÕ THANH HOÀNG	24/08/2002	CCQ2005A			HOANG	8,1	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050100	ĐOÀN ĐỨC HẢO	08/06/2002	CCQ2005C			Hao	7,2	8,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050007	TRẦN MẬU HÒA	01/09/2002	CCQ2005A			Hoa	7,4	6,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B			Hoang	7,4	8,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050044	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B			Hung	7,6	9,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050042	LÊ TRẦN QUANG HUY	05/11/2002	CCQ2005B			Hu	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A			Nam	6,7	8,0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050115	TRƯƠNG DUY KHÁNH	13/06/2002	CCQ2005D			Kh	7,2	9,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH KHOA	19/09/2001	CCQ2005D				✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121060020	TRẦN ĐỨC KHOA	28/02/1998	CCQ2106A			Khoa	7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050076	LÊ TIỀN KHÔI	13/08/2002	CCQ2005C			Hoi	7,6	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050047	HUYỀN PHÚ LÂM	01/03/2002	CCQ2005B			Lam	7,6	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050102	NGUYỄN LUẬT	12/06/2002	CCQ2005C			Lu	7,4	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002219

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A404**

Số SV có mặt: **33**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **33**

Cán bộ coi thi 1 Ngô Đăng Phú	Cán bộ coi thi 2 Lê Hồng Đạt	G.Viên chấm thi 1 H. H. H. H. H.	G.Viên chấm thi 2 L. Q. Q. Q. Q.
--------------------------------------	-------------------------------------	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050078	PHÚ VĂN	11/03/2001	CCQ2005C				✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050081	LƯƠNG TRÍ	06/10/2000	CCQ2005C				7,9	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050084	LÊ VĂN	01/01/2002	CCQ2005C				6,9	8,0	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050052	SƠN	22/11/2002	CCQ2005B				6,4	5,5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050053	NGUYỄN XUÂN	06/09/2001	CCQ2005B				6,4	4,0	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050087	TRẦN NHẤT	21/05/2001	CCQ2005C				5,0	6,5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120110097	HUỖNH VĂN	26/05/2002	CCQ2005D				6,9	6,0	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050122	DANH THIÊN	06/03/2002	CCQ2005D				✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121060012	NGUYỄN QUANG	20/11/1998	CCQ2106A				8,2	8,5	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120060052	NGUYỄN VĂN	16/07/2001	CCQ2005C				6,4	9,0	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120050026	BÙI VĂN	05/01/2001	CCQ2005A				7,7	8,0	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120050063	TÔ VĂN	27/06/2002	CCQ2005B				6,6	8,0	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120050065	HUỖNH MINH	08/12/2002	CCQ2005B				2,1	3,0	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120060030	VÕ MINH	15/09/2002	CCQ2006A				7,3	8,0	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120050139	ĐỖ QUỐC	30/07/2002	CCQ2005D				7,9	5,0	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120050125	NGUYỄN ĐỨC	04/09/2002	CCQ2005D				✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120050068	THIÊN NGỌC	02/12/2002	CCQ2005B				6,4	8,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120050069	NGUYỄN CHÍ	01/11/2002	CCQ2005B				2,1			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120050126	PHAN THANH	03/04/2002	CCQ2005D				8,1	8,5	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9